

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 10-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà : Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Trọng

Ông Hoàng Trọng Giáp

- Thư ký phiên toà : Bà Phạm Thu Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Ý Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 15/3/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Phương N** – Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 22/02/1974, tại huyện T, tỉnh Yên Bái;

ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Tuấn T, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947, hiện nay ông T và bà L trú tại Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Vợ Phạm Thị H, sinh năm 1978 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 1997; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 20/10/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Y ra Quyết định số 19/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, ngày 26/10/2018 chấp hành xong trở về địa phương. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giam”. Hiện bị tạm giữ từ ngày 02/01/2019, bị tạm giam từ ngày 04/01/2019 tại Trại tạm giam công an tỉnh Yên Bái. Có mặt

- Người bị hại: Ông Đặng Văn Đ – sinh năm 1966

Trú tại: Tổ dân phố số 6, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái. “Vắng mặt”

- *Người chứng kiến:*

Anh Phùng Trần K - sinh năm 1994

Trú tại: Thôn 1, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 02/01/2019, Lê Phương N – sinh năm 1974, trú tại Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái thuê xe ôm từ thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái vào xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái để thăm bạn. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận Thôn 1, xã M, huyện T, N nhìn thấy một ngôi nhà đang xây dở, chưa có cửa và không có ai ở đó nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lê Phương N bảo xe ôm đến nơi rồi và xuống xe. Đợi người xe ôm đi khuất, N đi vào phía ngôi nhà thấy cửa trước bị chặn bởi rào tre, N trèo qua cửa sổ vào trong nhà và phát hiện tại nền nhà có một bao tải xác rắn màu trắng, phía đầu miệng tải có một phần máy cưa thò ra ngoài. Lê Phương N xách bao tải và trèo qua cửa sổ đi ra đường. Khi vừa đi ra đến đường thì N bị tổ công tác Công an huyện T bắt quả tang. Kiểm tra vật chứng phát hiện bên trong bao tải có 01 máy cưa cầm tay chạy bằng động cơ, trên thân máy và lưỡi cưa đều có chữ “Husqvarna”; 01 máy mài cầm tay nhãn hiệu “BOSCH”, qua kiểm tra các loại máy vẫn hoạt động bình thường.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc máy cưa và máy mài ở trên là của ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1966, trú tại Tổ dân phố số 6, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái, là người đang làm công trình nhà ở cho gia đình ông Trần S ở Thôn 1, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm có: 01 máy cưa cầm tay chạy bằng động cơ (Máy cưa xăng) gồm thân máy màu da cam và lam xích (lưỡi cưa), trên thân máy và lưỡi cưa đều có chữ “Husqvarna”, thân máy có số “353”; 01 máy mài cầm tay nhãn hiệu “BOSCH”, thân máy có màu xanh, có tay cầm và lưỡi mài, trên thân máy có chữ và số “GWS 6-100”; 01 ví giả da màu nâu đã cũ rách; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Phương N.

Tại bản kết luận định giá số 01/KL-HĐĐG ngày 03/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 (một) máy cưa cầm tay chạy bằng động cơ (Máy cưa xăng) gồm thân máy màu da cam và lam xích (lưỡi cưa), trên thân máy và lưỡi cưa đều có chữ “Husqvarna”, thân máy có số “353” tại thời điểm bị xâm hại ngày 02/01/2019 chiếc máy đã khấu hao 10%, giá trị còn lại là 7.500.000 đồng x 90% = 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 máy mài cầm tay nhãn hiệu “BOSCH”, thân máy có màu xanh, có tay cầm và lưỡi mài, trên thân máy có chữ và số “GWS 6-100”, tại thời điểm bị xâm hại ngày 02/01/2019 chiếc máy đã khấu hao 10%, giá trị còn lại là $1.500.000 \times 90\% = 1.350.000$ đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị còn lại của hai máy là 8.100.000 đồng (Tám triệu một trăm nghìn đồng).

Tại cáo trạng số 07/CT-VKSTY ngày 15/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Lê Phương N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Phương N đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố là đúng.

Người bị hại ông Đặng Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đã được nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử :

Về tội danh tuyên bố bị cáo Lê Phương N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Về hình phạt áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm h; i; s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Nam từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02/01/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 máy cưa cầm tay và 01 máy mài cầm tay cho chủ sở hữu hợp pháp ông Đặng Văn Đ; 01 ví màu nâu đã rách và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Phương N không liên quan đến vụ án đã trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình

sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, phù hợp với biên bản hiện trường, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 02/01/2019 trên đường đi từ thị trấn C, huyện T vào nhà bạn ở xã M, huyện T chơi, đến khu vực nhà ông Trần S đang xây dở không có cửa thuộc thôn 1, xã M. Lê Phương N đã lợi dụng sơ hở lén lút vào nhà, chiếm đoạt của ông Đặng Văn Đ là thợ làm nhà cho ông S 01 máy cửa cầm tay chạy bằng động cơ (Máy cửa xăng) và 01 máy mài cầm tay. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt được có giá trị 8.100.000 đồng (Tám triệu một trăm nghìn đồng).

Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo N ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo. Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là vụ lợi cá nhân. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu là đối tượng nghiện ma túy, đã ba lần bị cưỡng chế đi cai nghiện bắt buộc gồm: Ngày 03/10/2001 Chủ tịch UBND thị xã Yên Bái ra Quyết định đưa vào Trung tâm cai nghiện ma túy, ngày 24/2/2002 bỏ trốn; Ngày 01/12/2010 bị Chủ tịch UBND thành phố Y ra Quyết định đưa vào Trung tâm cai nghiện ma túy bắt buộc đến 03/12/2012 chấp hành xong và 20/10/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Y Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đến ngày 26/10/2018 chấp hành xong được trở về địa phương, sau khi chấp hành xong bị cáo không tu dưỡng rèn luyện bản thân, tham gia lao động sản xuất mà còn vi phạm pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính, tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội gây thiệt hại nhưng không lớn. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, trên cơ sở xem xét toàn diện tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- 01 máy cưa cầm tay chạy bằng động cơ (Máy cưa xăng) gồm thân máy màu da cam và lam xích (lưỡi cưa), trên thân máy và lưỡi cưa đều có chữ “Husqvarna”, thân máy có số “353” và 01 máy mài cầm tay nhãn hiệu “BOSCH”, thân máy có màu xanh, có tay cầm và lưỡi mài, trên thân máy có chữ và số “GWS 6-100; Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp ông Đặng Văn Đ là phù hợp.

- 01 ví da màu nâu đã rách và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Phương N của bị cáo không liên quan đến vụ án; Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo N (Bà Nguyễn Thị L, mẹ đẻ bị cáo đã nhận thay) là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Phương N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt : Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Phương N **01** (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02/01/2019.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Phương N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Trại tạm giam;
- THA hình sự;
- Lưu HSVA, Lưu HCTP;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Phương